

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 8

TUẦN 8

Bài 3: SỰ SỐNG THIÊNG LIÊNG

(VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)

VĂN BẢN 1. BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

(XI-ÁT-TÔ)

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.
- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.

2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận

- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.
- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Xi-at-tô

b. Tác phẩm

- Xuất xứ: Dẫn theo Ngữ văn 6, tập hai, NXB Giáo dục, 2002

- Thể loại: Văn nghị luận

- PTBD: Nghị luận+ miêu tả + biểu cảm

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Hệ thống, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản:

Luận điểm 1: Sự thiêng liêng và hoà hợp của thiên nhiên đối với người da đỏ

- Lí lẽ: Mỗi sự vật, hiện tượng thiên nhiên đều quý giá, thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ và mang chứa kí ức của người da đỏ trong nhiều thế hệ.

- Bằng chứng: Mỗi tác đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng; dòng nước óng ánh ... đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi; những tia sáng chói chang phản chiếu từ mặt hồ trong vắt sẽ nói lên cái gì đó về kí ức của người da đỏ; tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi.

Luận điểm 2: Cách sống chiếm hữu, không trân trọng thiên nhiên của người da trắng

- Lí lẽ: Người da trắng lấy đi từ lòng đất những gì họ cần, mảnh đất này là kẻ thù của họ, họ cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được.

- Bằng chứng: Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào là yên tĩnh cả, chỉ có tiếng ồn ào lảng má; thiếu vắng đi âm thanh của tự nhiên như tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng...

Luận điểm 3: Lời kêu gọi về cách sống trân trọng thiên nhiên và muôn loài

- Lí lẽ 1: Cần quý trọng không khí

- Bằng chứng: Không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở, người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó; ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ.

- Lí lẽ 2: Cần coi muông thú sống trên mảnh đất này như người anh em

- Bằng chứng: dẫn ra sự việc cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn ... vì bị người da trắng bắn để cho thấy hành vi của người da trắng với muông thú, nhằm mục đích cảnh báo nếu muông thú không còn, thì con người sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người.

- Lí lẽ 3: Cần kính trọng đất đai

- Bằng chứng: mảnh đất dưới chân ... là những năm tro tàn của cha ông chúng tôi, đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên; điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất.

2. Thông điệp:

Con người cần hiểu được vai trò, ý nghĩa của đất đai nói riêng và thiên nhiên nói chung, từ đó, biết trân trọng, bảo vệ đất đai và thiên nhiên nói chung.

IV/ Tổng kết

1. Nghệ thuật.

- Phương pháp biểu đạt: nghị luận, miêu tả, biểu cảm

- Các lí lẽ dẫn chứng rõ ràng, cụ thể.

2. Nội dung

- Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo, bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.

3. Khái quát đặc điểm thể loại

Văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

.....

.

VĂN BẢN 2: THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU

- Vũ Nho -

I. Chuẩn bị đọc

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Xi-at-tô

b. Tác phẩm

- Xuất xứ: Trích Đi giữa miền thơ, NXB Văn học, 1999

- Thể loại: Văn nghị luận

- PTBD: Nghị luận+ miêu tả + biểu cảm

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản

- Luận điểm 1: Cảm nhận của tác giả trong khổ thơ thứ nhất và thứ hai : Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.

+ Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi - một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.

+ Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” .

+ Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.

- Luận điểm 2: Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3.

+ Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.

+ Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.

=> **Phiếu học tập**

2. Luận đề của văn bản

- Luận đề: sự chuyển biến của thiên nhiên và hồn người ở thời điểm sang thu.

- Cơ sở xác định: luận đề được thể hiện qua ba luận điểm: những tín hiệu giao mùa trong cảm nhận tinh tế của tác giả, bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa và những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả.

3. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.

- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:

+ Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.

- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là đến lượt mình, Hữu Thịnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.

4. Nhan đề:

Nhan đề bài thơ Sang thu thể hiện cách lựa chọn khoảnh khắc thời gian, bắc cầu giữa cái không gian và cái có. Chính cảm giác mơ hồ, tinh tế đã chuyên chở cho tâm hồn thu theo cách của mùa thu. Nhạy cảm, nhẹ nhàng, vừa lạ, vừa quen, nó đã đánh thức nơi ta những gì da diết nhất.

IV/ Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.
- Lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.

2. Nội dung

- Văn bản là lời cảm nhận sâu sắc của tác giả Vũ Nho đối với thiên nhiên và hồn người trong bài thơ Sang Thu của Hữu Thịnh.

3. Khái quát đặc điểm thể loại

Văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

.....
.....

ĐỌC KẾT NỐI THEO CHỦ ĐIỂM BÀI CA CÔN SƠN (Nguyễn Trãi)

I. Chuẩn bị đọc

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Nguyễn Trãi

b. Tác phẩm

- Xuất xứ: - Bài thơ Côn Sơn ca được sáng tác trong thời gian ông bị chèn ép phải cáo quan về ở ẩn ở Côn Sơn.

- Bài thơ được viết bằng chữ Hán trong tập “Ức Trai thi tập”.

- Thể loại: Thơ lục bát

- gieo vần: rằm – cầm, êm- nôm

+ Chữ cuối câu 6 vần với chữ 6 câu 8

+ Chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối câu 8 cặp dưới.

- Bố cục: 2 phần

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Cảnh trí Côn Sơn

a. Cảnh trí Côn Sơn:

+ Suối chảy rì rầm - đàn cầm

+ Đá rêu phơi – chiếu êm

+ Thông – như nệm

+ Trúc râm

- Nghệ thuật lấy động để tả tĩnh:

- Tiếng suối rì rào => sự tĩnh lặng, thanh bình

=> Thiên nhiên êm ái, dịu dàng đầm ấm bao dung. Một thiên nhiên khoáng đạt, thanh tĩnh và nên thơ.

b. Cảnh sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn:

- Đại từ “ta” - Có mặt 5 lần - Chi Nguyễn Trãi đang sống những ngày nhàn tản, ẩn dật ở Côn Sơn.

+ Ta nghe tiếng suối

+ Ta ngồi trên đá

+ Ta lên

+ Ta nằm

+ Ta ngâm thơ nhàn

=> Thời gian trôi rã một cách bất đắc dĩ. Với tâm hồn thi sĩ đây là dịp để thanh thoi, thả hồn vào suối, vào thông, vào trúc nơi rừng cao bóng cả.

- Chữ “nhàn”: tâm trạng của NTrãi thực tế chỉ nhàn một nửa, thực chất ông vẫn luôn đau đáu một nỗi niềm muốn đem sức mình phò vua, giúp nước.

- Chữ “nhàn” mang tính tích cực, không hề bất lực, không buông xuôi mà vẫn tha thiết với đời.

=> Hiện lên hình ảnh Nguyễn Trãi đang sống trong ung dung, nhàn tản, thả hồn mình vào cảnh trí Côn Sơn, ông giao hoà tuyệt đối với thiên nhiên.

=> Thể hiện nhân cách thanh cao, phẩm chất thi sĩ, nghệ sĩ lớn của Nguyễn Trãi.

III/ TỔNG KẾT

1. Giá trị nghệ thuật

- Đan xen các câu thơ tả cảnh và tả người

- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: So sánh, điệp ngữ

- Bản dịch thơ sử dụng thể thơ lục bát có vần điệu nhịp nhàng, sinh động

b. Giá trị nội dung

- Bài thơ cho thấy khung cảnh thiên nhiên ở Côn Sơn nên thơ hấp dẫn cùng sự giao hoà giữa con người với thiên nhiên được bắt nguồn từ tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi.

.....
...

Phiếu học tập

Văn bản	Luận đề	Luận điểm	Lý lẽ và bằng chứng
---------	---------	-----------	---------------------

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ			
Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu			